|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH**  **VÀ XÃ HỘI**  Số: /TTr - LĐTBXH | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2020* |

**(Dự thảo)**

**TỜ TRÌNH**

**Về việc ban hành Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết Điều 39 Luật việc làm về doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm**

Kính gửi: Chính phủ

Bộ luật Lao động năm 2019 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 không có nội dung về Tổ chức dịch vụ việc làm, theo đó Nghị định số 52/2014/NĐ-CP ngày 23/5/2014 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm sẽ hết hiệu lực theo quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Do vậy, để có cơ sở pháp lý cho việc quản lý, hoạt động dịch vụ việc làm, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết Điều 39 Luật việc làm về doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm để thay thế Nghị định số 52/2014/NĐ-CP ngày 23/5/2014 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.

Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội trình Chính phủ về hồ sơ dự thảo Nghị định quy định chi tiết Điều 39 Luật việc làm về doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm, như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**

Triển khai Bộ luật Lao động năm 2012, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 52/2014/NĐ-CP ngày 23/5/2014 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm (sau đây gọi tắt là Nghị định số 52/2014/NĐ-CP) tạo cơ sở pháp lý để quản lý, tổ chức hoạt động dịch vụ việc làm trên toàn quốc. Tuy nhiên, đến nay sau 6 năm thực hiện, có một số hạn chế, bất cập và những vấn đề đặt ra như sau:

1. **Căn cứ pháp lý**:

Luật Tổ chức Chính phủ năm 2001 đã được thay Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015; Luật Doanh nghiệp năm 2005 được thay thế bằng Luật Doanh nghiệp năm 2014; Bộ luật Lao động (sửa đổi) được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 20/11/2019 tại kỳ họp thứ 8 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 đã bỏ Điều 14 “Tổ chức dịch vụ việc làm” do có nội dung trùng với Chương V “Tổ chức và hoạt động dịch vụ việc làm” trong Luật việc làm năm 2013.

Do vậy, Nghị định số 52/2014/NĐ-CP cần phải thay đổi căn cứ ban hành cho phù hợp.

**2. Những vấn đề đặt ra từ sau năm 2014 cần Nghị định thay thế Nghị định số 52/2014/NĐ-CP**

Hiện nay, cả nước có 370 doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm được cấp giấy phép hoạt động theo quy định Nghị định số 52/2014/NĐ-CP. Các doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm chủ yếu được phân bố ở những địa phương có thị trường lao động phát triển (Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh), gần các khu công nghiệp, khu chế xuất. Từ năm 2014 đến nay, các doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm đã góp phần tư vấn, sắp xếp cho hàng vạn người lao động và hàng nghìn doanh nghiệp được cung cấp các dịch vụ tư vấn tuyển dụng, quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực chất lượng cao. Kết quả hoạt động của doanh nghiệp dịch vụ việc làm đã góp phần tích cực trong kết nối cung - cầu lao động, đáp ứng được cơ bản nhu cầu nhân sự của các doanh nghiệp, đặc biệt phân khúc thị trường lao động có trình độ cao, góp phần phát triển thông tin thị trường lao động và làm minh bạch hóa thị trường lao động Việt Nam.

Các quy định trong Nghị định số 52/2014/NĐ-CP ngày 23/5/2014 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm và Nghị định 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 về việc sửa đổi, bổ sung các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã góp phần đưa hoạt động dịch vụ việc làm đi vào nề nếp, tạo được niềm tin cho người lao động, người sử dụng lao động và đơn vị hoạt động dịch vụ việc làm. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định số 52/2014/NĐ-CP vẫn còn một số bất cập như sau:

- Về điều kiện cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm: Nghị định số 140/2018/NĐ-CP đã bãi bỏ điều kiện về nhân sự trong Nghị định số 52/2014/NĐ-CP. Tuy nhiên, theo phản ánh của các địa phương, kinh doanh dịch vụ việc làm là hoạt động kinh doanh có điều kiện, mang tính chất đặc thù và phụ thuộc nhiều vào trình độ, kinh nghiệm của nhân sự thực hiện hoạt động dịch vụ việc làm, vì vậy cần phải bổ sung điều kiện về nhân sự trong doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.

- Về trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm: mặc dù Nghị định số 140/2018/NĐ-CP đã cắt giảm một số thủ tục hành chính trong Nghị định số 52/2014/NĐ-CP, các thủ tục trở nên đơn giản, gọn nhẹ hơn. Tuy nhiên, quy trình, thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm trong Nghị định số 52/2014/NĐ-CP vẫn chưa được quy định cụ thể, một số nội dung còn bỏ sót, vì vậy, các địa phương vẫn còn lúng túng trong việc triển khai thực hiện.

- Về thông báo hoạt động dịch vụ việc làm: nhiều doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm chưa thực hiệm nghiêm túc các quy định về thông báo hoạt động dịch vụ việc làm. Một số doanh nghiệp đã tổ chức hoạt động dịch vụ việc làm trong khi chưa xin giấy phép hoạt động của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép.

- Về chi nhánh hoạt động dịch vụ việc làm: theo quy định tại Nghị định số 52/2014/NĐ-CP, các doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm được phép mở chi nhánh khác tỉnh/thành phố. Tuy nhiên, tại một số địa phương, các chi nhánh của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm chưa thực hiện đúng chức năng của chi nhánh, gây khó khăn trong công tác quản lý hoạt động dịch vụ việc làm giữa các địa phương.

- Về báo cáo kết quả hoạt động: nhiều doanh nghiệp chưa thực hiện nghiêm túc việc báo cáo kết quả hoạt động với các Sở Lao động – Thương binh và Xã hội địa phương.

- Bên cạnh đó, căn cứ Điều 14 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 thì các thủ tục hành chính không được quy định tại Thông tư, do vậy cần phải rà soát để đưa những nội dung về thủ tục hành chính vào Nghị định đảm bảo theo quy định.

Vì vậy, việc xây dựng Nghị định mới để thay thế Nghị định số 52/2014/NĐ-CP trình Chính phủ xem xét, quyết định là cần thiết.

**II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH**

1. Việc xây dựng Nghị định phải bám sát chủ trương, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; phù hợp với các quy định của Luật việc làm và bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

2. Các nội dung quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm phải bảo đảm đơn giản hóa, dễ thực hiện, phát huy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp; bảo đảm quyền và lợi ích của doanh nghiệp và người lao động; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước phù hợp theo cơ chế của thị trường.

3. Có sự kế thừa các quy định còn phù hợp, sửa đổi, bổ sung những bất cập phát sinh, bảo đảm nội dung Nghị định có tính khả thi, phù hợp với yêu cầu thực tiễn, cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế.

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã tiến hành thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập xây dựng Nghị định; xây dựng dự thảo Tờ trình, Nghị định; tổ chức một số cuộc họp lấy ý kiến; gửi văn bản lấy ý kiến của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các doanh nghiệp, các ngân hàng và đăng trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ (<http://www.chinhphu.vn>) và Cổng thông tin điện tử của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (<http://www.molisa.gov.vn>) trong thời gian 60 ngày để lấy ý kiến rộng rãi các nội dung dự thảo Nghị định.

Tiếp thu ý kiến đóng góp của các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức, cá nhân, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã hoàn thiện hồ sơ trình dự thảo Nghị định theo quy định, gửi Bộ Tư pháp thẩm định. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp (văn bản số ....../BC-BTP ngày .... tháng ..... năm .....), Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã chỉnh lý dự thảo Nghị định và các tài liệu kèm theo trình Chính phủ.

**IV. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ ĐỊNH**

Dự thảo Nghị định gồm 5 Chương và 25 Điều, được xây dựng trên cơ sở kế thừa các quy định còn phù hợp của Nghị định số 52/2014/NĐ-CP, đồng thời có điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với những quy định mới. Cụ thể như sau:

1. Chương 1. Quy định chung, gồm 2 Điều (từ Điều 1 đến Điều 2). Trong đó, điều chỉnh nội dung các điều về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

2. Chương 2. Điều kiện, trình tự thủ tục cấp, gia hạn, cấp lại, thu hồi giấy phép gồm 8 Điều (từ Điều 3 đến Điều 10) quy định cụ thể về điều kiện cấp giấy phép; thẩm quyền cấp giấy phép; giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm; hồ sơ đề nghị cấp giấy phép; trình tự, thủ tục cấp giấy phép; gia hạn, cấp lại giấy phép; thu hồi giấy phép; trách nhiệm của doanh nghiệp khi bị thu hồi giấy phép hoặc không được gia hạn, cấp lại giấy phép. Trong đó:

a) Điều kiện cấp giấy phép (Điều 3), gồm 03 điều kiện: (i) có địa điểm đặt trụ sở, chi nhánh để tổ chức hoạt động dịch vụ việc làm ổn định; (ii) ký quỹ 300 triệu đồng; (iii) người lãnh đạo điều hành hoạt động dịch vụ việc làm đáp ứng các điều kiện: không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chấp hành bản án hình sự của tòa án, không trong thời hạn cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc công việc; có trình độ từ đại học trở lên hoặc đã có thời gian trực tiếp làm chuyên môn hoặc quản lý về dịch vụ việc làm từ đủ 03 năm trở lên trong thời hạn năm 05 liền kề trước khi đề nghị cấp giấy phép.

b) Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm (Điều 4) do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính ủy quyền cấp; Giấy phép được cấp theo mẫu, thời hạn giấy phép tối đa là 60 tháng, không giới hạn số lần gia hạn giấy phép.

c) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép (Điều 5), bao gồm: văn bản đề nghị cấp giấy phép của doanh nghiệp; Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc hợp đồng hoặc thỏa thuận về nguyên tắc thuê cơ sở vật chất để tổ chức hoạt động dịch vụ việc làm; Bản chính giấy xác nhận nộp tiền ký quỹ; Các giấy tờ chứng minh điều kiện về người lãnh đạo điều hành hoạt động dịch vụ việc làm.

d) Trình tự, thủ tục cấp giấy phép (Điều 6): doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ gửi Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở thẩm định tính xác thực của hồ sơ và trình Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp tỉnh cấp giấy phép.

3. Chương 3. Ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm, gồm 4 Điều (từ Điều 11 đến Điều 14) quy định cụ thể về trách nhiệm ký quỹ, nộp tiền ký quỹ, quản lý tiền ký quỹ, rút tiền ký quỹ. Trong đó:

- Tiền ký quỹ được sử dụng vào mục đích bồi thường, giải quyết quyền lợi cho các tổ chức, cá nhân trong trường hợp doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trong hoạt động dịch vụ việc làm.

- Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm thực hiện thủ tục nộp tiền ký quỹ theo đúng quy định của ngân hàng và tuân thủ quy định của pháp luật.

- Ngân hàng nhận ký quỹ có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận tiền ký quỹ cho doanh nghiệp; quản lý tiền ký quỹ của doanh nghiệp, gồm: phong tỏa toàn bộ số tiền ký quỹ, cho doanh nghiệp nộp tiền ký quỹ, rút tiền ký quỹ theo đúng quy định.

4. Chương 4. Nội dung hoạt động dịch vụ việc làm, chi nhánh doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm, gồm 3 Điều (từ Điều 15 đến Điều 17) quy định cụ thể về nội dung về hoạt động dịch vụ việc làm, chi nhánh của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm, thông báo hoạt động dịch vụ việc làm. Trong đó:

- Nội dung hoạt động dịch vụ việc làm bao gồm: hoạt động tư vấn; Giới thiệu người lao động cần tìm việc làm với người sử dụng lao động cần tuyển lao động; Cung ứng và tuyển lao động theo yêu cầu của người sử dụng lao động; Thu thập và cung cấp thông tin thị trường lao động; Phân tích và dự báo thị trường lao động; Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực tìm kiếm việc làm và đào tạo kỹ năng, giáo dục nghề nghiệp khác theo quy định của pháp luật; Thực hiện các chương trình, dự án về việc làm.

- Doanh nghiệp có quyền được thành lập chi nhánh hoạt động dịch vụ việc làm trong nước theo đúng quy định.

5. Chương 5. Điều khoản thi hành, gồm 8 Điều (từ Điều 18 đến Điều 25) quy định về trách nhiệm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm; ngân hàng nhận ký quỹ; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội; Ngân hàng nhà nước Việt Nam; quy định chuyển tiếp; hiệu lực thi hành; trách nhiệm thi hành.

**V. Ý KIẾN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN**

………………………………..

**VI. Ý KIẾN THẦM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP**

…………………………………..

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Thủ tướng Chính phủ;  - Các Phó Thủ tướng Chính phủ;  - Các Thành viên Chính phủ;  - Văn phòng Chính phủ;  - Bộ Tư pháp;  - Lưu: VT, VL. | **BỘ TRƯỞNG**  **Đào Ngọc Dung** |